TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **155**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 8 năm 2023
V/v: *"Tranh chấp về ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Kim Thúy**

2. Ông **Nguyễn Nho Bản**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Cúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2023/TLST – HN&GĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc "tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/QĐ-HPT ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị A**, sinh năm 1994; Căn cước công dân số: 027194008377 cấp ngày 28/12/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đăng ký hộ khẩu: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 001090007428 cấp ngày 10/7/2021; Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

(chị A có mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2011. Sau khi cưới chúng tôi về sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chúng tôi thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất

đồng quan điểm sống, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên có biết và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn anh T.

- Về con chung: chúng tôi có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 7 tháng 5 năm 2012; cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015; cháu Nguyễn Văn Minh V, sinh ngày 4 tháng 12 năm 2018. Tôi đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc nuôi cháu Nhi, cháu Vũ và đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Ngọc. Trường hợp anh T muốn nuôi cả 03 con, tôi cũng đồng ý.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): tôi xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: tôi xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Tôi tự nguyện chịu án phí sơ thẩm

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về con chung chị A đồng ý đề nghị Toà án giao cả ba con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị hiện nay không có việc làm nên đề nghị được hoãn nghĩa đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Tuy nhiên bị đơn có đến Toà án nhưng không ký vào biên bản, Toà án đã mời kiểm sát viên đến xác nhận nội dung này. Bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

* Theo bản cam kết bị đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội – anh T trình bày: Anh xác nhận có đánh chị A và xin hứa "*không có hành vi đánh và nói gì vợ tôi nữa*" xin được hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng anh T không đến toà hoà giải không thuyết phục được chị A rút đơn ly hôn, thể hiện không có thiện chí để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Vợ chồng có 03 con chung là cháu **Nguyễn Thị Khánh N**, sinh ngày 7 tháng 5 năm 2012; cháu **Nguyễn Thị Khánh N**, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015; cháu **Nguyễn Văn Minh V**, sinh ngày 4 tháng 12 năm 2018. Giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung là phụ hợp với điều kiện kinh tế của anh T và theo nguyện vọng của các con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con chung đối với chị A do hiện nay chị A không có việc làm ổn định. Về tài sản chung và nhà ở, các khoản vay nợ nguyên đơn xác nhận tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, Tòa án đã tiến hành lấy ghi khai của đại diện gia đình bị đơn và đại diện chính quyền địa phương nơi bị đơn cư trú. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, vì vậy Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Chị A xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên giải quyết cho chị A được ly hôn với anh T.

[3] Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của anh **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1985 và chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Q , thành phố Hà Nội - là anh, chị của anh T – bị đơn trong vụ án ly hôn với chị A. Qua trao đổi đại diện gia đình bị đơn cho biết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi là anh ruột và chị dâu của anh Nguyễn Văn T. Chúng tôi sống gần nhà với anh T, chị A. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Do anh T tính tình nóng nảy, đôi khi không kiềm chế được bản thân nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Chúng tôi nghĩ rằng vợ chồng tuy có nhiều mâu thuẫn nhưng thương các cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ của cả bố lẫn mẹ nên mong muốn Toà án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh T, chị A có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 7 tháng 5 năm 2012; cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015; cháu Nguyễn Văn Minh V, sinh ngày 4 tháng 12 năm 2018. Từ khi anh T, chị A ly thân đến nay, các cháu vẫn ở ổn định tại nhà anh Trưởng ở thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Nếu anh T, chị A không thể đoàn tụ được thì tôi đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung vì 03 cháu đang ở và học hành ổn định tại xã Đ.

- Hiện anh T làm công việc nhận lắp đặt điều hoà tại một số công việc nhận thầu, công việc ổn định, thu nhập tốt. Anh T và các cháu hiện đang ở ổn định tại nhà 02 tầng, tiện nghi đầy đủ trên diện tích đất khoảng 150 m^2 tại thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của cháu **Nguyễn Thị Khánh N**, sinh năm 2012 - là con đẻ của anh T và chị A. Qua trao đổi, cháu Nhi cho biết: Bố mẹ có mâu thuẫn, cãi vã. Khi Tòa án giải quyết ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với bố để bố chăm sóc được thuận tiện hơn.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương nơi vợ chồng chung sống. Ông Đinh Văn Lâm- Phó Chủ tịch UBND xã Đ, bà Nguyễn Thị Đông- Công chức tư pháp- hộ tịch xã Đ, cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn T có địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Q. Chị A và anh T đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2011. Sau khi cưới, anh chị về sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện Q. Trong quá trình chung sống, anh chị thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên có biết và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị A và anh T đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là: cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 7 tháng 5 năm 2012; cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015; cháu Nguyễn Văn Minh V, sinh ngày 4 tháng 12 năm 2018.

Nay chị Trần Thị A làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh T. Qua việc nắm tình hình xác minh thông tin của trưởng thôn Đ, Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn Đ, UBND xã Đ cung cấp thông tin như sau: vợ chồng anh T và chị A cùng với 03 con nhỏ sinh sống tại thôn Đ, xã Đ. Trong thời gian gần đây, vợ

chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, có lần xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát, cãi chửi nhau, hàng xóm xung quanh biết được. Quan điểm của địa phương là đề nghị tòa án tiến hành cho anh T, chị A được hòa giải tại tòa để có thể hàn gắn lại gia đình và cùng nhau nuôi dạy 03 con đang rất nhỏ, cần có sự giáo dục và nuôi dạy của cả cha và mẹ. Trong trường hợp hòa giải tại tòa không thành công, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân: chị A, anh T kết hôn hợp pháp trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng trong quá trình chung sống, dần dần vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Nay chị A xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên giải quyết cho chị A được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: anh, chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 7 tháng 5 năm 2012; cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015; cháu Nguyễn Văn Minh V, sinh ngày 4 tháng 12 năm 2018. Chị A hiện nay không có công việc ổn định, không có nhà ở chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết giao cả ba con chung để anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị A xin tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con chung cho đến khi anh T có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): chị A xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị tự lo về nhà ở. Tuy nhiên bị đơn không có ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến tài sản chung và nhà ở. Vì vậy, Tòa án không có căn cứ để xem xét giải quyết. Dành quyền khởi kiện về tài sản chung và nhà ở bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về khoản nợ: chị A xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39: Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử: 1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **Trần Thị A**;

Chị **Trần Thị A** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**.

2. Về con chung: anh, chị có 03 con chung là cháu **Nguyễn Thị Khánh N**, sinh ngày 7 tháng 5 năm 2012; cháu **Nguyễn Thị Khánh N**, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015; cháu **Nguyễn Văn Minh V**, sinh ngày 4 tháng 12 năm 2018. Giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung kể từ tháng 9 năm 2023 đến khi các con chung đủ 18 hoặc có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con chung đối với chị A cho đến khi anh T có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị Trần Thị A có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): chị A xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện về tài sản chung và nhà ở bằng một vụ án khác khi chị A, anh T có yêu cầu.

Về khoản nợ: chị A, anh T xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị A phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000644 ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2023. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q ;
- Chi Cục THA dân sự huyện Q ;
- UBND xã Đ, huyện Q , thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long